

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về khuyến khích phát triển văn học

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về khuyến khích phát triển văn học.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về khuyến khích phát triển văn học bao gồm: Hỗ trợ phát triển văn học; tổ chức trại viết, trại sáng tác văn học; cuộc thi viết, cuộc thi sáng tác tác phẩm văn học; giải thưởng văn học; giới thiệu, quảng bá, phổ biến văn học trong nước và ngoài nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài đang sinh sống, học tập tại Việt Nam; người Việt Nam ở nước ngoài tham gia hoặc có liên quan đến văn học tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Tác phẩm văn học là văn bản được công bố thuộc các thể loại: Văn xuôi, thơ, lý luận văn học, phê bình văn học, dịch văn học, kịch bản văn học.
- Sáng tác văn học là quá trình sáng tạo tác phẩm văn học thuộc các thể loại: Văn xuôi, thơ, lý luận văn học, phê bình văn học, dịch văn học, kịch bản văn học.
- Bản thảo tác phẩm văn học là văn bản thuộc các thể loại: Văn xuôi, thơ, lý luận văn học, phê bình văn học, dịch văn học, kịch bản văn học được viết tay, đánh máy hoặc được tạo ra bằng phương tiện điện tử trước khi được xuất bản.
- Dịch tác phẩm văn học là việc chuyển từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác và bảo đảm sự trung thực của tác phẩm văn học được chuyển ngữ.

5. Lý luận văn học là sự khái quát, vận dụng các kiến thức thực tiễn văn học, khoa học xã hội và nhân văn để xây dựng hệ thống khái niệm và những quy luật chung của văn học.

6. Phê bình văn học là sự thẩm định, đánh giá các hiện tượng văn học trên cơ sở phân tích, diễn giải nhằm phát hiện các giá trị mới của văn học.

7. Giới thiệu, quảng bá, phổ biến tác phẩm văn học là hoạt động đưa văn học đến với công chúng trong nước và ngoài nước.

Điều 4. Chính sách của Nhà nước về khuyến khích phát triển văn học

1. Tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân, khuyến khích doanh nghiệp tư nhân tham gia mạnh mẽ vào hoạt động sáng tác văn học, doanh nghiệp tham gia phát triển văn học trong nước và ngoài nước.

2. Hỗ trợ về nguồn lực khi văn học tham gia thực hiện nhiệm vụ chính trị được cấp có thẩm quyền giao.

3. Khuyến khích tổ chức trại viết, trại sáng tác văn học và cuộc thi viết, cuộc thi sáng tác tác phẩm văn học; đặc biệt là dành cho thanh thiếu niên, nhi đồng.

4. Tôn vinh các tác giả, đồng tác giả (sau đây gọi là tác giả), tác phẩm văn học có giá trị cao về nội dung tư tưởng và nghệ thuật; bảo vệ quyền tác giả và quyền liên quan.

5. Tạo điều kiện, hỗ trợ, giới thiệu, quảng bá, xuất bản, phổ biến tác phẩm văn học có giá trị cao về nội dung tư tưởng và nghệ thuật.

6. Thúc đẩy chuyển đổi số, ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ, phát triển không gian sáng tạo, đổi mới tư duy về văn học.

Điều 5. Nội dung quản lý nhà nước về văn học

1. Xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật quy định về khuyến khích phát triển văn học; phổ biến, giáo dục pháp luật về văn học.

2. Tổ chức tôn vinh, tặng giải thưởng cho tác phẩm văn học và tác giả có tác phẩm văn học đạt giải; lựa chọn tác phẩm văn học Việt Nam tham gia các cuộc thi quốc tế.

3. Tổ chức thực hiện hợp tác quốc tế về văn học trong nước và ngoài nước.

4. Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về văn học.

Điều 6. Trách nhiệm quản lý nhà nước về văn học

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về văn học trong phạm vi cả nước.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm giúp Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về văn học.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về văn học theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thực hiện quản lý nhà nước về văn học tại địa phương.

Điều 7. Dừng tổ chức các hoạt động văn học, thu hồi giải thưởng văn học

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh yêu cầu dừng hoạt động tổ chức trại viết, trại sáng tác văn học, cuộc thi viết, cuộc thi sáng tác tác phẩm văn học và tổ chức giải thưởng văn học trong trường hợp các hoạt động đó không thực hiện đúng các quy định tại khoản 1 Điều 14, Điều 20 và khoản 4 Điều 25 Nghị định này.

2. Văn bản yêu cầu dừng hoạt động tổ chức trại viết, trại sáng tác văn học, cuộc thi viết, cuộc thi sáng tác tác phẩm văn học và tổ chức giải thưởng văn học phải nêu rõ lý do, thời điểm và thời hạn dừng để hoàn thiện theo các quy định tại khoản 1 Điều 14, Điều 20 và khoản 4 Điều 25 Nghị định này. Thời hạn dừng không quá 03 tháng tính từ thời điểm dừng.

3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thu hồi giải thưởng văn học quốc gia do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức trong trường hợp không còn Ban Tổ chức giải thưởng; các bộ, ngành và hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thu hồi giải thưởng văn học do bộ, ngành, hội quần chúng tổ chức trong trường hợp không còn Ban Tổ chức giải thưởng; cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thu hồi giải thưởng văn học do cơ quan, tổ chức, đơn vị tại địa phương tổ chức trong trường hợp không còn Ban Tổ chức giải thưởng. Việc thu hồi giải thưởng văn học thực hiện trong các trường hợp sau đây và công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng:

a) Tác giả cung cấp thông tin sai sự thật về tác phẩm, thể loại tác phẩm hoặc bản quyền tác giả quy định tại quy chế để tham gia xét giải thưởng;

b) Tác giả vi phạm pháp luật hình sự khi có quyết định bản án của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến giải thưởng.

4. Ban Tổ chức cuộc thi có thẩm quyền thu hồi, hủy kết quả cuộc thi viết, cuộc thi sáng tác tác phẩm văn học. Trong trường hợp không còn Ban Tổ chức, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi, hủy kết quả cuộc thi và công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng trong các trường hợp sau đây:

a) Tác phẩm văn học có vi phạm các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, quyền tác giả, quyền liên quan;

b) Tác giả vi phạm pháp luật hình sự khi có quyết định bản án của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến cuộc thi.

Điều 8. Kinh phí thực hiện khuyến khích phát triển văn học

1. Ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành về ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách nhà nước.

2. Nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện, hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước.

Chương II

HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN VĂN HỌC

Điều 9. Khuyến khích viết, sáng tác tác phẩm văn học

1. Nhà nước hỗ trợ cho tác giả có tác phẩm văn học được viết, sáng tác, dịch theo các chủ đề, đề tài quy định tại khoản 2 Điều này có giá trị cao về nội dung tư tưởng và nghệ thuật, phong phú, đa dạng về thể loại và ngôn ngữ thể hiện, có giá trị định hướng thẩm mỹ, hình thành nhân cách, đạo đức, lối sống, góp phần xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện.

2. Chủ đề, đề tài viết, sáng tác, dịch tác phẩm văn học được hỗ trợ bao gồm:

a) Lịch sử và di sản văn hóa truyền thống dân tộc; Đảng Cộng sản Việt Nam; cách mạng; biển, hải đảo và biên giới; bảo vệ chủ quyền, bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, vì sự bình yên cuộc sống; chống diễn biến hòa bình, bác bỏ luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch chống phá công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; công nghệ và chuyển đổi số; biến đổi khí hậu và môi trường;

b) Con người mới tham gia vào sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước; phong trào thi đua, học tập theo tư tưởng, tấm gương đạo đức, phong cách Chủ tịch Hồ Chí Minh;

c) Nông nghiệp, nông dân, nông thôn; sự nghiệp xây dựng và phát triển nông thôn mới;

d) Thanh niên, thiếu niên và nhi đồng; người yếu thế; dân tộc thiểu số và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; phòng, chống bạo lực gia đình;

đ) Các đề tài khác căn cứ tình hình thực tế do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Điều 10. Quy trình lựa chọn tác giả để hỗ trợ viết, sáng tác tác phẩm văn học

1. Cơ quan có thẩm quyền hỗ trợ

a) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (bộ, ngành, đoàn thể trung ương);

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Quy trình hỗ trợ tác giả viết, sáng tác tác phẩm văn học

a) Hằng năm, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này thông báo kế hoạch hỗ trợ tác giả viết, sáng tác tác phẩm văn học trên các phương tiện thông tin đại chúng, cổng thông tin điện tử của cơ quan mình, bao gồm: Chủ đề, đề tài viết, sáng tác tác phẩm văn học; yêu cầu về thông tin cá nhân của tác giả tham gia; kinh phí hỗ trợ và thời gian thực hiện hỗ trợ;

b) Trong thời hạn 40 ngày làm việc kể từ ngày thông báo, tác giả tham gia nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia 01 đề cương tác phẩm theo thông báo tại điểm a khoản này kèm theo đề xuất mức kinh phí hỗ trợ đến cơ quan có thẩm quyền hỗ trợ. Trường hợp đề cương không đúng với yêu cầu tại thông báo, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề cương, cơ quan có thẩm quyền hỗ trợ trả lời tác giả bằng văn bản và nêu rõ lý do;

c) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc nhận đề cương theo thông báo, cơ quan có thẩm quyền hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này quyết định lựa chọn đề cương tác phẩm trên cơ sở tư vấn của Hội đồng thẩm định đề hỗ trợ viết, sáng tác tác phẩm văn học và thông báo đến tác giả;

d) Trong thời hạn 80 ngày làm việc kể từ ngày thông báo được hỗ trợ đề cương tác phẩm, tác giả hoàn thành tác phẩm và gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc gửi trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia 01 bản của tác phẩm đến cơ quan có thẩm quyền hỗ trợ;

đ) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc nhận tác phẩm, cơ quan có thẩm quyền hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này quyết định lựa chọn tác phẩm trên cơ sở tư vấn của Hội đồng thẩm định đề hỗ trợ tác phẩm. Trường hợp tác phẩm không được lựa chọn đề hỗ trợ, cơ quan có thẩm quyền hỗ trợ trả lời bằng văn bản cho tác giả và nêu rõ lý do.

Điều 11. Hội đồng thẩm định

1. Hội đồng thẩm định của cơ quan có thẩm quyền hỗ trợ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định này do người đứng đầu cơ quan quyết định thành lập để tư vấn chuyên môn; số lượng tối thiểu 07 thành viên.

2. Hội đồng thẩm định của cơ quan có thẩm quyền hỗ trợ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị định này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập để tư vấn chuyên môn; số lượng tối thiểu 05 thành viên.

3. Thành phần của Hội đồng thẩm định gồm: Đại diện lãnh đạo cơ quan quản lý nhà nước, nhà quản lý, chuyên gia có uy tín, kinh nghiệm trong lĩnh vực văn học.

4. Người có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng thẩm định quyết định: Thời hạn hoạt động của Hội đồng theo định kỳ hằng năm hoặc theo giai đoạn; ban hành quy chế làm việc của Hội đồng; cho thôi, bổ sung hoặc thay thế thành viên Hội đồng.

5. Hội đồng thẩm định làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số. Quyết định của Hội đồng thẩm định phải được ít nhất 2/3 tổng số thành viên tham dự đồng ý.

Điều 12. Tiêu chí lựa chọn tác giả để hỗ trợ viết, sáng tác tác phẩm văn học

Tác giả được lựa chọn để hỗ trợ viết, sáng tác tác phẩm văn học bảo đảm các tiêu chí sau đây:

1. Là người Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc người nước ngoài đang sinh sống, học tập tại Việt Nam; chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam.

2. Tác giả có đề cương tác phẩm phù hợp với chủ đề, đề tài theo yêu cầu.

3. Ưu tiên hỗ trợ cho các tác giả trẻ, tác giả người dân tộc thiểu số dưới 35 tuổi viết, sáng tác tác phẩm văn học đầu tay.

Điều 13. Nghiệm thu và công bố tác phẩm văn học được hỗ trợ

Cơ quan có thẩm quyền hỗ trợ quyết định nghiệm thu và công bố danh sách tác phẩm, tác giả được hỗ trợ trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định nghiệm thu.

Chương III

TỔ CHỨC TRẠI VIẾT, TRẠI SÁNG TÁC VĂN HỌC

Điều 14. Tổ chức trại viết, trại sáng tác văn học

1. Cơ quan, tổ chức Việt Nam, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam được tổ chức trại viết, trại sáng tác văn học khi đáp ứng các tiêu chí sau đây:

a) Có quy chế tổ chức trại viết, trại sáng tác văn học theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này;

b) Có thông báo tổ chức trại viết, trại sáng tác văn học theo quy định tại Điều 15 Nghị định này đăng tải công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng ít nhất 10 ngày làm việc trước ngày tổ chức trại viết, trại sáng tác văn học.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức trại viết, trại sáng tác văn học theo định kỳ hằng năm.

Điều 15. Thông báo tổ chức trại viết, trại sáng tác văn học

Thông báo tổ chức trại viết, trại sáng tác văn học bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Đơn vị tổ chức/thực hiện.
2. Đối tượng, số lượng người tham gia.
3. Thời gian, địa điểm tổ chức.
4. Chủ đề, đề tài viết, sáng tác văn học.

Điều 16. Quy chế tổ chức trại viết, trại sáng tác văn học

Quy chế tổ chức trại viết, trại sáng tác văn học bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Đơn vị tổ chức/thực hiện.
2. Mục đích, ý nghĩa.
3. Hình thức tổ chức; địa điểm; quy mô, số lượng người tham gia; chủ đề, đề tài viết, sáng tác; kế hoạch, thời gian thực hiện.
4. Tiêu chí về tác giả, phương thức tổ chức lựa chọn đề cương, chủ đề, đề tài viết, sáng tác.
5. Quyền lợi, trách nhiệm của tác giả.
6. Hội đồng chuyên môn của trại viết, trại sáng tác văn học theo quy định tại Điều 17 Nghị định này.

Điều 17. Hội đồng chuyên môn của trại viết, trại sáng tác văn học

1. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quyết định tổ chức trại viết, trại sáng tác văn học quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định này phải thành lập Hội đồng chuyên môn của trại viết, trại sáng tác văn học để tư vấn.
2. Hội đồng chuyên môn có số lượng tối thiểu 05 thành viên, trong đó có đại diện cơ quan, tổ chức được tổ chức trại viết, trại sáng tác văn học, chuyên gia có uy tín, kinh nghiệm về văn học.

Điều 18. Người tham gia trại viết, trại sáng tác văn học

1. Người tham gia trại viết, trại sáng tác văn học là người Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài hoặc người nước ngoài đang sinh sống, học tập tại Việt Nam.

2. Người tham gia trại viết, trại sáng tác văn học có nhiệm vụ thực hiện Quy chế tổ chức trại viết, trại sáng tác văn học.

Điều 19. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức khi tổ chức trại viết, trại sáng tác văn học

1. Cơ quan, tổ chức khi tổ chức trại viết, trại sáng tác văn học có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Nghị định này và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc trại viết, trại sáng tác văn học, cơ quan, tổ chức gửi báo cáo kết quả trại viết, trại sáng tác văn học gồm các nội dung về quá trình tổ chức, đối tượng, số lượng người tham gia, số lượng tác phẩm như sau:

a) Cơ quan, tổ chức là các bộ, ngành, đoàn thể trung ương, tổ chức nước ngoài gửi báo cáo đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch qua Cục Nghệ thuật biểu diễn;

b) Các tổ chức không thuộc quy định tại điểm a khoản này gửi báo cáo đến cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức.

3. Lưu trữ các sản phẩm của trại viết, trại sáng tác văn học tại các cơ quan, tổ chức được tổ chức trại viết, trại sáng tác văn học theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Chương IV

CUỘC THI VIẾT, CUỘC THI SÁNG TÁC TÁC PHẨM VĂN HỌC

Điều 20. Tổ chức cuộc thi viết, cuộc thi sáng tác tác phẩm văn học

Cơ quan, tổ chức Việt Nam, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam được tổ chức cuộc thi viết, cuộc thi sáng tác tác phẩm văn học khi đáp ứng các tiêu chí sau đây:

1. Có thông báo tổ chức cuộc thi viết, cuộc thi sáng tác tác phẩm văn học theo quy định tại Điều 21 Nghị định này đăng tải công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng ít nhất 10 ngày làm việc trước ngày tổ chức cuộc thi viết, cuộc thi sáng tác tác phẩm văn học.

2. Có Đề án tổ chức cuộc thi viết, cuộc thi sáng tác tác phẩm văn học theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.

Điều 21. Thông báo tổ chức cuộc thi viết, cuộc thi sáng tác tác phẩm văn học

Thông báo tổ chức cuộc thi viết, cuộc thi sáng tác tác phẩm văn học bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Đơn vị tổ chức/thực hiện.
2. Đối tượng tham gia.
3. Nội dung, hình thức tổ chức; quy mô; cơ cấu giải thưởng; thời gian; kinh phí.
4. Quyền lợi, trách nhiệm của người tham gia.

Điều 22. Đề án tổ chức cuộc thi viết, cuộc thi sáng tác tác phẩm văn học

Đề án tổ chức cuộc thi viết, cuộc thi sáng tác tác phẩm văn học bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Đơn vị tổ chức/thực hiện;
2. Mục đích, ý nghĩa.
3. Nội dung, hình thức; quy mô; cơ cấu giải thưởng; chương trình; thời gian; kinh phí tổ chức, thực hiện.
4. Ban Tổ chức cuộc thi.
5. Ban Giám khảo cuộc thi.
6. Quy chế chấm giải.
7. Quyền lợi, trách nhiệm của người tham gia;
8. Quyền tác giả đối với tác phẩm tham gia cuộc thi.

Điều 23. Ban Giám khảo cuộc thi viết, cuộc thi sáng tác tác phẩm văn học

1. Cơ quan, tổ chức được tổ chức cuộc thi viết, cuộc thi sáng tác tác phẩm văn học quyết định thành lập Ban Giám khảo để chấm thi và lựa chọn tác phẩm.

2. Ban Giám khảo cuộc thi có số lượng tối thiểu 05 thành viên, trong đó có đại diện cơ quan, tổ chức cuộc thi, chuyên gia có uy tín, kinh nghiệm trong lĩnh vực văn học.

Điều 24. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức khi tổ chức cuộc thi viết, cuộc thi sáng tác tác phẩm văn học

1. Cơ quan, tổ chức khi tổ chức cuộc thi viết, cuộc thi sáng tác tác phẩm văn học có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc thi viết, cuộc thi sáng tác tác phẩm văn học, cơ quan, tổ chức gửi báo cáo kết quả cuộc thi viết, cuộc thi sáng tác tác phẩm văn học gồm các nội dung về quá trình tổ chức, đối tượng, số lượng người tham gia, kết quả cuộc thi như sau:

a) Cơ quan, tổ chức là các bộ, ngành, đoàn thể trung ương, tổ chức nước ngoài gửi báo cáo đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch qua Cục Nghệ thuật biểu diễn;

b) Các tổ chức không thuộc quy định tại điểm a khoản này gửi báo cáo đến cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức.

3. Lưu trữ các sản phẩm của cuộc thi viết, cuộc thi sáng tác tác phẩm văn học tại các cơ quan, tổ chức cuộc thi theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Chương V GIẢI THƯỞNG VĂN HỌC

Điều 25. Giải thưởng văn học

1. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch; các Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được tổ chức Giải thưởng văn học.

2. Giải thưởng văn học do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức là Giải thưởng văn học quốc gia. Giải thưởng văn học quốc gia được tổ chức định kỳ 02 năm một lần.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm chỉ đạo xây dựng, phê duyệt Đề án tổ chức giải thưởng văn học theo quy định tại khoản 4 Điều này và tổ chức thực hiện Đề án đã được phê duyệt.

4. Nội dung chủ yếu của Đề án tổ chức giải thưởng văn học bao gồm:

a) Đơn vị tổ chức/thực hiện;

b) Mục đích, ý nghĩa;

c) Thể loại văn học; quy mô; cơ cấu giải thưởng; thời gian; kinh phí tổ chức thực hiện;

d) Ban Tổ chức giải thưởng;

- d) Hội đồng xét giải;
- e) Quy chế xét giải;
- g) Quyền lợi, trách nhiệm của tác giả;
- h) Quyền tác giả đối với tác phẩm tham gia xét giải;
- i) Thu hồi giải thưởng.

5. Các Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khi tổ chức Giải thưởng văn học có trách nhiệm gửi báo cáo kết quả thực hiện cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày kết thúc trao giải thưởng văn học.

Điều 26. Quyền lợi, trách nhiệm của tác giả đạt Giải thưởng văn học quốc gia

1. Tác giả được nhận giải thưởng, tiền thưởng của Giải thưởng văn học quốc gia theo Đề án tổ chức giải thưởng văn học.

2. Tác phẩm đạt Giải thưởng văn học quốc gia quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định này được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch lựa chọn để tham gia các cuộc thi quốc tế và được hỗ trợ xuất bản để giới thiệu, quảng bá tác phẩm ở trong nước và ngoài nước.

3. Tác giả đã đạt Giải thưởng văn học quốc gia có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về văn học ở trung ương và địa phương giới thiệu, quảng bá, phổ biến tác phẩm đến công chúng trong nước và ngoài nước.

Chương VI

GIỚI THIỆU, QUẢNG BÁ, PHỔ BIẾN TÁC PHẨM VĂN HỌC

Điều 27. Giới thiệu, quảng bá và hình thức giới thiệu, quảng bá tác phẩm văn học

Giới thiệu, quảng bá tác phẩm văn học thông qua các hoạt động triển lãm, hội chợ sách, xuất bản phẩm điện tử, thư viện số, xây dựng các chương trình, đề án và tổ chức thực hiện ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật về xuất bản, thư viện, tổ chức triển lãm.

Điều 28. Tiêu chí lựa chọn tác phẩm văn học để giới thiệu, quảng bá

Tác phẩm văn học được lựa chọn giới thiệu, quảng bá là tác phẩm tiêu biểu, có giá trị cao về nội dung tư tưởng và nghệ thuật, có sự đóng góp xứng đáng vào sự phát triển của văn học Việt Nam hoặc tác phẩm văn học đã đạt các giải thưởng uy tín trong nước và quốc tế.

Điều 29. Trách nhiệm tổ chức giới thiệu, quảng bá tác phẩm văn học

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao xây dựng các chương trình, đề án, tổ chức thực hiện giới thiệu, quảng bá, xúc tiến phát triển văn học Việt Nam ở nước ngoài.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch, chương trình giới thiệu, quảng bá văn học ở địa phương, tác giả, tác phẩm văn học tiêu biểu tại địa phương.

3. Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Văn học, nghệ thuật các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nhà xuất bản, tổ chức, cá nhân liên quan chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, chương trình giới thiệu, quảng bá tác phẩm văn học thuộc phạm vi quản lý của mình theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Dịch tác phẩm văn học

1. Nhà nước khuyến khích hỗ trợ dịch các tác phẩm văn học có chất lượng cao.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng, phê duyệt Đề án dịch văn học phục vụ nhiệm vụ đối ngoại của Nhà nước theo giai đoạn hoặc định kỳ hằng năm.

3. Dịch tác phẩm văn học Việt Nam ra tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam hoặc tiếng nước ngoài ra tiếng Việt phải bảo đảm quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Điều 31. Trách nhiệm của người dịch tác phẩm văn học

1. Người dịch tác phẩm văn học để công bố, xuất bản tác phẩm văn học dịch đến công chúng phải chịu trách nhiệm bảo đảm tính nghệ thuật, sáng tạo của tác phẩm dịch; bảo đảm tính chính xác với tác phẩm gốc theo quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ và xuất bản.

2. Trong trường hợp có tranh chấp về quyền dịch thuật, người dịch có trách nhiệm cung cấp đầy đủ tài liệu chứng minh quyền sử dụng tác phẩm theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Điều 32. Chuyển đổi số, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ về văn học

1. Tổ chức, cá nhân được phép phổ biến văn học trên không gian mạng thực hiện theo quy định tại Nghị định này và pháp luật liên quan. Khuyến khích ứng dụng trí tuệ nhân tạo và các công nghệ số tiên tiến trong việc quảng bá, số hóa, lưu trữ và phổ biến văn học Việt Nam ở trong nước và quốc tế.

2. Việc phổ biến văn học trên không gian mạng phải bảo đảm phù hợp với lứa tuổi người đọc, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, an ninh mạng và pháp luật có liên quan của Việt Nam.

3. Các tổ chức, cá nhân có phương tiện truyền thông số để phổ biến văn học có trách nhiệm thực hiện đúng quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, an ninh mạng, sở hữu trí tuệ và pháp luật có liên quan; triển khai các giải pháp kỹ thuật, thiết lập cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để kịp thời ngăn chặn, xử lý các tác phẩm văn học vi phạm.

4. Các doanh nghiệp có mạng viễn thông có trách nhiệm ngăn chặn truy cập các tác phẩm văn học vi phạm theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Hội Nhà văn Việt Nam xây dựng, quản lý, kết nối và chia sẻ cơ sở dữ liệu về văn học, bảo đảm đồng bộ với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các nền tảng số dùng chung; tổ chức quảng bá, phổ biến văn học Việt Nam trên môi trường số.

6. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp công nghệ và các hội nghề nghiệp tham gia xây dựng, phát triển văn học; đẩy mạnh hợp tác công tư trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số về văn học phù hợp với quy định tại Điều 27 Nghị định số 180/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hợp tác công tư trong lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Điều 33. Gửi tác phẩm văn học Việt Nam ra nước ngoài dự thi, giới thiệu

1. Tác phẩm văn học Việt Nam được gửi ra nước ngoài dự thi, giới thiệu là xuất bản phẩm theo quy định của pháp luật về xuất bản.

2. Trường hợp tác phẩm văn học Việt Nam tham dự các cuộc thi quốc tế có yêu cầu tác phẩm là đại diện quốc gia thì Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định lựa chọn tác phẩm sau khi có ý kiến của Hội Nhà văn Việt Nam.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 34. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 02 năm 2026.

Điều 35. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, KGVX (2b). 70

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Mai Văn Chính